

PHỤ LỤC 4

Danh mục lập quy hoạch đô thị hoặc nông thôn đối với các xã được hình thành từ thị trấn hiện hữu hoặc đô thị đã được công nhận nhập với xã

STT	Tên quy hoạch chung đô thị	Tên xã	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch	Cơ quan phê duyệt	Nguồn vốn theo điểm a khoản 2 Điều 10 luật số 47/2024/QH15	Thời gian lập quy hoạch	Dự kiến tổng chi phí tổ chức lập quy hoạch chung (tạm tính) (tỷ đồng)	Dự kiến chi phí lập quy hoạch và các chi phí liên quan (tỷ đồng)	Dự kiến chi phí khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch (tạm tính) (tỷ đồng)	Ghi chú
-1-	-2-	-3-	-4-	-5-	-6-	-7-	-8-	-9-	10 = (11+12)	-11-	-12-	- 13 -
I. Khu vực tỉnh Vĩnh Long cũ												
1	Quy hoạch chung xã Cái Nhum	Xã Cái Nhum	52,45	38,538	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	7.2	4.5	2.7	Đợt sau khi pháp luật về phân loại đô thị, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được điều chỉnh; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cơ quan có thẩm quyền thông qua thì mới có cơ sở xác định loại quy hoạch là quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn
2	Quy hoạch chung xã Long Hồ	Xã Long Hồ	47,64	54,312	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	6.3	4.7	1.6	
3	Quy hoạch chung xã Trung Thành	Xã Trung Thành	35,88	35,593	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	6.1	3.9	2.2	
4	Quy hoạch chung xã Trà Ôn	Xã Trà Ôn	42,78	37,869	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	6.6	4.2	2.4	
5	Quy hoạch chung xã Tam Bình	Xã Tam Bình	34,63	32,612	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	6.0	3.8	2.2	
6	Quy hoạch chung xã Tân Quới	Xã Tân Quới	45,66	50,858	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	7.1	4.6	2.5	
II. Khu vực tỉnh Bến Tre cũ												
7	Quy hoạch chung xã Bình Đại	Xã Bình Đại	44,70	33,881	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	6.8	4.3	2.5	Đợt sau khi pháp luật về phân loại đô thị, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được điều chỉnh; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cơ quan có thẩm quyền thông qua thì mới có cơ sở xác định loại quy hoạch là quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn
8	Quy hoạch chung xã Ba Tri	Xã Ba Tri	49,47	52,154	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	7.4	4.8	2.6	
9	Quy hoạch chung xã Mô Cày	Xã Mô Cày	38,89	49,852	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	6.6	4.3	2.3	
10	Quy hoạch chung xã Phú Túc	Xã Phú Túc	63,14	62,073	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	7.8	4.7	3.1	

STT	Tên quy hoạch chung đô thị	Tên xã	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch	Cơ quan phê duyệt	Nguồn vốn theo điểm a khoản 2 Điều 10 luật số 47/2024/QH15	Thời gian lập quy hoạch	Dự kiến tổng chi phí tổ chức lập quy hoạch chung (tạm tính) (tỷ đồng)	Dự kiến chi phí lập quy hoạch và các chi phí liên quan (tỷ đồng)	Dự kiến chi phí khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch (tạm tính) (tỷ đồng)	Ghi chú
-1-	-2-	-3-	-4-	-5-	-6-	-7-	-8-	-9-	10 = (11+12)	-11-	-12-	- 13 -
11	Quy hoạch chung xã Chợ Lách	Xã Chợ Lách	49,72	44,316	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	7.2	4.5	2.7	Đợt sau khi pháp luật về phân loại đô thị, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được điều chỉnh; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cơ quan có thẩm quyền thông qua thì mới có cơ sở xác định loại quy hoạch là quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn
12	Quy hoạch chung xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	70,70	42,268	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	8.1	4.8	3.3	
13	Quy hoạch chung xã Giồng Trôm	Xã Giồng Trôm	42,39	37,599	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	6.6	4.2	2.4	
14	Quy hoạch chung xã Phước Mỹ Trung	Xã Phước Mỹ Trung	38,19	36,526	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	6.1	3.9	2.2	
15	Quy hoạch chung xã Tiên Thủy	Xã Tiên Thủy	33,81	31,792	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	5.9	3.8	2.1	
16	Quy hoạch chung xã Tân Thủy	Xã Tân Thủy	52,55	45,743	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	7.2	4.5	2.7	
III. Khu vực tỉnh Trà Vinh cũ												
17	Quy hoạch chung xã Càng Long	Xã Càng Long	46.874	41,542	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	5.2	4.65	0.55	Đợt sau khi pháp luật về phân loại đô thị, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được điều chỉnh; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cơ quan có thẩm quyền thông qua thì mới có cơ sở xác định loại quy hoạch là quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn
18	Quy hoạch chung xã Châu Thành	Xã Châu Thành	87.412	50,560	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	5.9	5.3	0.55	
19	Quy hoạch chung xã Cầu Kè	Xã Cầu Kè	54.117	35,491	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	5.4	4.85	0.55	
20	Quy hoạch chung xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa	61,21	41,202	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	5.5	4.95	0.55	
21	Quy hoạch chung xã Mỹ Long	Xã Mỹ Long	73.611	25,385	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	3.7	3.15	0.55	

STT	Tên quy hoạch chung đô thị	Tên xã	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch	Cơ quan phê duyệt	Nguồn vốn theo điểm a khoản 2 Điều 10 luật số 47/2024/QH15	Thời gian lập quy hoạch	Dự kiến tổng chi phí tổ chức lập quy hoạch chung (tạm tính) (tỷ đồng)	Dự kiến chi phí lập quy hoạch và các chi phí liên quan (tỷ đồng)	Dự kiến chi phí khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch (tạm tính) (tỷ đồng)	Ghi chú
-1-	-2-	-3-	-4-	-5-	-6-	-7-	-8-	-9-	10 = (11+12)	-11-	-12-	- 13 -
22	Quy hoạch chung xã Tiểu Cần	Xã Tiểu Cần	49,729	34,150	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	5.3	4.75	0.55	Đợt sau khi pháp luật về phân loại đô thị, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được điều chỉnh; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cơ quan có thẩm quyền thông qua thì mới có cơ sở xác định loại quy hoạch là quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn
23	Quy hoạch chung xã Cầu Ngang	Xã Cầu Ngang	35,322	28,986	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	4.6	4.05	0.55	
24	Quy hoạch chung xã Đại An	Xã Đại An	32,316	22,672	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	4.4	3.85	0.55	
25	Quy hoạch chung xã Tân An	Xã Tân An	57.251	33013	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	5.4	4.85	0.55	
26	Quy hoạch chung xã Trà Cú	Xã Trà Cú	37,333	30,037	UBND xã	UBND tỉnh	Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước	2026 - 2027	4.7	4.15	0.55	
Ước tổng chi phí (tạm tính)									159.05	114.05	45.00	

Ghi chú:

- 1) Căn cứ vào phương án quy hoạch đô thị và nông thôn trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cơ quan có thẩm quyền thông qua thì Sở Xây dựng sẽ tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành điều chỉnh, bổ sung Danh mục dự án quy hoạch đô thị và nông thôn đối với các xã nêu trên.
- (2) Phạm vi lập quy hoạch nêu trên được xác định theo ranh giới hành chính tự nhiên của các xã và phạm vi lập quy hoạch có thể được điều chỉnh phù hợp theo định hướng hệ thống đô thị và nông thôn của quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch vùng hoặc quy hoạch Tỉnh; Phạm vi lập quy hoạch có thể được nghiên cứu mở rộng phạm vi, định hướng phát triển ra các khu vực liền kề (nếu có); Phạm vi ranh giới lập quy hoạch được xác định cụ thể tại quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.
- (3) Tên gọi của đồ án quy hoạch có thể được điều chỉnh, thay đổi theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các luật, nghị định, thông tư, quy định hiện hành.
- (4) Dự toán trên chỉ mang tính chất tạm tính, chi phí sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập nhiệm vụ quy hoạch, đảm bảo phù hợp Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 và các quy định khác có liên quan.